

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 23-3-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát V.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình T, sinh ngày 26/8/1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 1, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị X (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977; có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Sỹ H, sinh ngày 15/10/1977 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 5, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1945 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1954; có vợ là Đỗ Thị Lệ, sinh năm 1979; có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Vũ Hữu S, sinh ngày 18/10/1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 9, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã K1, huyện K, thành

phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu S1 và bà Nguyễn Thị H3 (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị L1, sinh năm 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Đào Xuân V, sinh ngày 12/3/1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 8, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân T4, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1947; có vợ là Nguyễn Thị H5, sinh năm 1986, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn 3, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn 3, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 15/02/2023, Nguyễn Sỹ H, Nguyễn Đình T, Vũ Hữu S, Đào Xuân V lần lượt đến nhà anh Đỗ Văn H1 ở thôn 3, xã K1, huyện K ngồi chơi uống nước tại phòng khách tầng hai. Sau đó các đối tượng cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “Phỏm” được thua bằng tiền. H đi mua 02 bộ bài tú lơ khơ về để đánh bạc. Cách thức đánh bạc quy ước như sau: Tỷ lệ đánh bạc là 10.000 đồng, 20.000 đồng, 30.000 đồng tương ứng với số tiền người về thứ hai, thứ ba, thứ tư pH trả cho người về nhất, người nào “Cháy” thì phải trả cho người về nhất số tiền 50.000 đồng, người nào “Ù” thì ba người còn lại mỗi người phải trả cho người được “Ù” số tiền 100.000 đồng; người được “Ù” phải bỏ ra ngoài 10.000 đồng để khi kết thúc ván bài sẽ mua nước, thuốc lá để mọi người cùng sử dụng. Trong khi đánh bạc không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, không pH nộp tiền hồ. Đến 10 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an xã K1, huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm: Số tiền 5.440.000 đồng tại chiếu bạc; 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân bài và số tiền 110.000 đồng ở bên cạnh chiếu bạc.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 03/QĐ-VKSKT ngày 10/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Sỹ H, Vũ Hữu S, Đào Xuân V đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thống nhất khai nhận: Do quan hệ họ hàng, quen biết với gia đình anh H1, khoảng 09 giờ ngày 15/02/2023 H, T, S, V đến ngồi chơi uống nước tại phòng khách tầng hai nhà anh H1. Sau đó cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “Phỏm” được thua bằng tiền. H là người đi mua 02 bộ bài tú lơ khơ để mọi người đánh bạc. Cả nhóm thống nhất người được “Ừ” pH bỏ ra ngoài 10.000 đồng để tự mua thuốc nước phục vụ đánh bạc. Trong khi đánh bạc không pH nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. T sử dụng số tiền 3.050.000 đồng đánh bạc, không rõ thắng thua; H sử dụng số tiền 1.100.000 đồng đánh bạc, thua 700.000 đồng; S sử dụng số tiền 900.000 đồng đánh bạc, thua 400.000 đồng; V sử dụng số tiền 500.000 đồng, thắng hơn 500.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 5.550.000 đồng đều bị thu giữ tại chiếu bạc. Đến 10 giờ 40 phút cùng ngày bị Công an xã K1 bắt quả tang cùng tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, anh Đỗ Văn H1 và chị Nguyễn Thị P thống nhất khai: S sớm ngày 15/02/2023, anh H1 đi sang nhà cụ ngoại ở thôn 1, xã K1, huyện K làm cơm cúng giỗ, còn chị P đi lên thành phố Hà Nội từ S sớm để lấy hàng quần áo mang về bán tại nhà. Cửa nhà không khóa, không có ai ở nhà và dặn H (là em rể) nhà ở liền kề để ý nhà hộ. Khi các đối tượng đến chơi và rủ nhau đánh bạc tại gian phòng khách tầng hai của gia đình anh, chị thì không ai biết. Nay anh, chị không có yêu cầu đề nghị gì.

Sau quá trình xét hỏi, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Quyết định truy tố và đề nghị Tòa án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: + Nguyễn Đình T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023).

+ Nguyễn Sỹ H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023).

Khấu trừ thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo từ 05 % đến 10 % để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Phạt tiền: + Vũ Hữu S từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đào Xuân V từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền 5.550.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân bài.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 09 giờ ngày 15/02/2023, Nguyễn Đình T, Nguyễn Sỹ H, Vũ Hữu S, Đào Xuân V đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền tại gian phòng khách tầng hai của gia đình anh H1 với tổng số tiền 5.550.000 đồng bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của

Nguyễn Đình T, Nguyễn Sỹ H, Vũ Hữu S, Đào Xuân V đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân; là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

- Trong vụ án này, các bị cáo đều thống nhất rủ nhau cùng đánh bạc được thua bằng tiền. Bị cáo T tham gia đánh bạc tích cực, sử dụng số tiền 3.050.000 đồng để đánh bạc nhiều nhất so với các bị cáo khác trong vụ án; nên T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng. Gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo H, S, V đều tham gia đánh bạc tích cực. H là người trực tiếp đi mua 02 bộ bài tú lơ khơ về để đánh bạc, sử dụng số tiền 1.100.000 đồng đánh bạc; S sử dụng số tiền 900.000 đồng đánh bạc; V sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đều có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo H có bố để tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, có bố vợ tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Bị cáo S có bố để tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Ba; có mẹ để tham gia thanh niên xung phong, có bố vợ tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhì. Bị cáo V có bố để tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhất; Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đày. Gia đình các bị cáo đều có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Đối với các bị cáo bị khấu trừ thu nhập và hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo T, H khai nhận có thu nhập kinh tế ổn định là 7.000.000 đồng/tháng, phù hợp với các tài liệu xác minh tại địa phương, cần khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với ngôi nhà của vợ chồng anh Đỗ Văn H1 và chị Nguyễn Thị P mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc thuộc quyền sở hữu chung của gia đình anh H1. Khi các bị cáo đánh bạc tại nhà mình bị phát hiện bắt giữ thì anh H1, chị P cùng các thành viên trong gia đình đều không có ai ở nhà, không biết, nên không đặt ra tịch thu tài sản để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu số tiền 5.550.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

- 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân bài; cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này, anh Đỗ Văn H1, chị Nguyễn Thị P và gia đình không có ai ở nhà, không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình bị phát hiện bắt giữ, nên không bị xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

+ Nguyễn Đình T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 (ba) ngày bị tạm giữ (từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Nguyễn Sỹ H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 (ba) ngày bị tạm giữ (từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày tại cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo T, H tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T, H cho Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục. Trong trường hợp

người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và pH xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền:

+ Vũ Hữu S 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”

+ Đào Xuân V 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Nguyễn Đình T với thời gian 18 (mười tám) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

- Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Nguyễn Sỹ H với thời gian 15 (mười lăm) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền 5.550.000đ (năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước (Theo ủy nhiệm chi tại kho bạc nhà nước huyện K ngày 13/3/2023).

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ (01 bộ màu xanh, 01 bộ màu đỏ), mỗi bộ có 52 quân bài (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Sỹ H, Vũ Hữu S, Đào Xuân V: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- THA hình sự + PC 10 + PV 06
- Chi cục THADS + Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã K1, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền